

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Minh	Thuận	3471010323	31/03/1992	5,00	,00	1,50	
2	Lưu Đức	Toàn	3671040005	22/11/1994	4,00	3,00	3,30	
3	Vũ Nhật	Hoàng	3671040011	06/04/1994	3,00	1,00	1,60	
4	Hân Tấn	Sinh	3671040012	08/10/1991	4,00	,00	1,20	
5	Đình Công	Hậu	3671040020	18/11/1994	3,00	1,00	1,60	
6	Nguyễn Ngọc Hải	My	3671040028	03/07/1994	4,00	3,50	3,70	
7	Nguyễn Ngọc	Nam	3671040029	02/07/1994	2,00	1,00	1,30	
8	Lê Văn	Lưu	3671040033	05/07/1994	3,00	1,00	1,60	
9	Trương Nguyễn Đức	Vinh	3671040041	12/07/1993	6,00	,50	2,20	
10	Nguyễn Anh	Khang	3671040086	16/11/1994	,00	,00	,00	CT
11	Trương Hoàn	Lâm	3671040087	02/09/1994	5,00	1,00	2,20	
12	Phan Văn	Thắng	3671040103	17/09/1994	2,00	,00	,60	
13	Trần Văn	Dân	3671040118	22/07/1994	2,00	8,00	6,20	
14	Nguyễn Hồng	Dưỡng	3671040124	18/11/1994	2,00	1,00	1,30	
15	Mai Thế	Huy	3671040126	25/09/1993	2,00	8,00	6,20	
16	Nguyễn Hữu	Thường	3671040140	21/06/1993	4,00	,00	1,20	
17	Trần Quang	Trung	3671040147	01/06/1993	3,00	2,50	2,70	
18	Lê Thanh	Tú	3671040162	10/04/1993	4,00	3,50	3,70	
19	Nguyễn Trung	Kiên	3671040178	20/10/1994	4,00	,00	1,20	
20	Ngô Văn	Hai	3671040180	24/01/1994	4,00	2,50	3,00	
21	Hoàng Thiên	Quốc	3671040195	12/10/1994	4,00	,00	1,20	
22	Trần Thanh	Thịnh	3671040199	22/12/1994	,00	,00	,00	CT
23	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	3671040211	22/02/1994	3,00	,00	,90	
24	Lại Đình	Hoàng	3671040216	22/08/1994	3,00	4,00	3,70	
25	Nguyễn Văn	Đệ	3671040218	06/11/1994	3,00	4,00	3,70	
26	Trần Bùi Trung	Kiên	3671040221	25/04/1992	2,00	3,00	2,70	
27	Nguyễn Hữu	Hiền	3671040230	01/06/1994	3,00	3,00	3,00	
28	Lê Duy	Khang	3671040262	11/01/1994	2,00	1,00	1,30	
29	Vũ Ngọc	Đức	3671040274	04/03/1993	6,00	6,00	6,00	
30	Bùi Văn	Vũ	3671040278	04/06/1992	,00	,00	,00	CT
31	Trần Ngô Quốc	Khanh	3671040285	31/10/1994	,00	6,50	4,60	
32	Nguyễn Văn	Khánh	3671040442	21/10/1993	,00	,00	,00	CT
33	Nguyễn Đức	Mạnh	3671040465	15/04/1992	2,00	,50	1,00	
34	Bùi Văn	Nhân	3671040680	05/06/1994	,00	,00	,00	
35	Nguyễn Đức	Tuấn	3671041205	10/07/1993	3,00	1,00	1,60	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Nguyên	Vũ	3671041645	10/05/1994	4,00	,00	1,20	
37	Âu Tấn	Lực	3671041954	26/10/1994	,00	,00	,00	
38	Nguyễn Hữu	Cơ	3671041981	20/04/1994	3,00	1,50	2,00	
39	Nguyễn Hồ Hải	Triều	3671041982	27/06/1993	,00	,00	,00	CT
40	Lê Minh	Thành	3671041986	20/05/1994	3,00	,50	1,30	
41	Nguyễn Thọ	Hoan	3671042003	20/12/1994	2,00	,00	,60	CT
42	Bùi Đình	Thiện	3671042010	09/09/1989	,00	,00	,00	CT
43	Huỳnh Tấn	Lâm	3671042021	02/10/1994	1,00	,00	,30	
44	Nguyễn Tuấn	Minh	3671042026	16/10/1994	,00	,00	,00	CT
45	Nguyễn Hồng	Sơn	3671042032	16/10/1992	4,00	1,00	1,90	
46	Trần Việt	Nhân	3671042051	21/06/1994	2,00	,00	,60	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)